

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

BÁO CÁO KIỂM TOÁN

Về Báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

**Đã được kiểm toán bởi:
CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT (NVT)**

MỤC LỤC

Nội dung	Trang
Báo cáo của Ban Giám đốc	1 - 3
Báo cáo Kiểm toán độc lập	4 - 5
Báo cáo tài chính đã được kiểm toán	6 - 31
<i>Bảng cân đối kế toán</i>	6 - 8
<i>Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh</i>	9
<i>Báo cáo lưu chuyển tiền tệ</i>	10
<i>Báo cáo tình hình biến động vốn chủ sở hữu</i>	11
<i>Thuyết minh báo cáo tài chính</i>	12 - 31



BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (sau đây gọi tắt là "Công ty") trình bày Báo cáo của mình và Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014.

CÔNG TY

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 80/UBCK - GP ngày 25/01/2008, điều chỉnh theo Giấy phép điều chỉnh lần 3 số 19/GPĐC - UBCK ngày 15/05/2013 với nội dung thay đổi trụ sở kinh doanh và Giấy phép điều chỉnh lần 4 số 34/GPĐC - UBCK ngày 07/08/2013 với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật. Các giấy phép thay đổi và các giấy chứng nhận đăng ký thay đổi do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp.

Theo Giấy phép thành lập, hoạt động chính của công ty bao gồm:

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 202, Tầng 2, Số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội.

CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KHOÁ SỔ KẾ TOÁN LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ông Nguyễn Quang Anh được bổ nhiệm làm Tổng Giám đốc theo Quyết định số 01/QĐ/HĐQT/2015 ngày 04/02/2015 theo Quyết định của Hội đồng Quản trị Công ty CP Chứng khoán EuroCapital.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng quản trị trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Anh	Chủ tịch Hội đồng quản trị
Ông Vũ Tiến Đức	Ủy viên Hội đồng Quản trị
Bà Mai Thị Minh Thu	Ủy viên Hội đồng Quản trị

Các thành viên của Ban Giám đốc đã điều hành công ty trong năm và tại ngày lập báo cáo này bao gồm:

Họ và tên	Chức vụ
Ông Nguyễn Quang Anh	Phó Tổng Giám đốc
Ông Vũ Tiến Đức	Phó Tổng Giám đốc

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm 2014 và tại ngày lập báo cáo là ông Nguyễn Quang Anh, chức danh Chủ tịch Hội đồng Quản trị. Đồng thời ông Nguyễn Quang Anh cũng là người ký báo cáo tài chính năm 2014 của Công ty.

KIỂM TOÁN VIÊN

Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt (NVT) đã thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2014 cho Công ty.

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC ĐỐI VỚI BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập Báo cáo tài chính phản ánh trung thực, hợp lý tình hình hoạt động, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong quá trình lập Báo cáo tài chính, Ban Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu sau:

- Xây dựng và duy trì kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc và Ban quản trị Công ty xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không còn sai sót trọng yếu do gian lận hoặc do nhầm lẫn;
- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Đưa ra các đánh giá và dự đoán hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán được áp dụng có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu đến mức cần phải công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập và trình bày các báo cáo tài chính trên cơ sở tuân thủ các Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính;
- Lập các báo cáo tài chính dựa trên cơ sở hoạt động kinh doanh liên tục, trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh.

Ban Giám đốc Công ty đảm bảo rằng các số kế toán được lưu giữ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty, với mức độ trung thực, hợp lý tại bất cứ thời điểm nào và đảm bảo rằng Báo cáo tài chính tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước. Đồng thời có trách nhiệm trong việc bảo đảm an toàn tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn, phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Giám đốc Công ty cam kết rằng Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2014, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và tuân thủ các quy định hiện hành có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Cam kết khác

Ban Giám đốc cam kết rằng Công ty không vi phạm nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định tại Thông tư số 52/2012/TT-BTC, ngày 05/04/2012 của Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán.

Hà Nội, ngày 06 tháng 03 năm 2015

CHỦ TỊCH

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



Nguyễn Quang Anh

Số: 2407.01.03/2014/NVT-BCTC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Quý Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc
Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital (sau đây gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 06 tháng 03 năm 2014, từ trang 05 đến trang 31, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo thay đổi vốn chủ sở hữu, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính.

Trách nhiệm của Ban Giám đốc

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bảng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty Cổ phần chứng khoán EuroCapital tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Hà Nội, ngày 16 tháng 03 năm 2015

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN NHÂN TÂM VIỆT

Tổng Giám đốc



Lưu Thị Thúy Anh

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
số: 0158-2014-124-1*

Kiểm toán viên

Đào Duy Hưng

*Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề
số: 2017-2014-124-1*

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Tài sản	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
100	A. TÀI SẢN NGẮN HẠN		101.269.376.622	151.492.975.384
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	03	23.327.936.773	36.618.706.950
111	1. Tiền		23.327.936.773	36.618.706.950
120	II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	05	44.496.265.853	40.609.703.000
121	1. Đầu tư ngắn hạn		47.024.762.091	41.550.559.469
129	2. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn		(2.528.496.238)	(940.856.469)
130	III. Các khoản phải thu ngắn hạn	06	32.907.733.921	73.432.280.392
132	2. Trả trước cho người bán	06.1	500.000	4.764.000
135	4. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán		9.241.296.754	73.402.936.847
138	5. Các khoản phải thu khác	06.2	23.751.437.167	110.079.545
139	6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	07	(85.500.000)	(85.500.000)
150	V. Tài sản ngắn hạn khác		537.440.075	832.285.042
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	08	518.486.246	496.434.131
152	2. Thuế GTGT được khấu trừ	09	18.953.829	335.850.416
154	3. Thuế và các khoản phải thu Nhà nước			495
200	B. TÀI SẢN DÀI HẠN		2.535.190.045	4.287.793.954
220	II. Tài sản cố định		489.679.060	1.869.649.195
221	1. Tài sản cố định hữu hình	10	438.275.336	840.067.671
222	Nguyên giá		3.312.497.885	3.402.063.686
223	Giá trị hao mòn lũy kế		(2.874.222.549)	(2.561.996.015)
227	3. Tài sản cố định vô hình	11	51.403.724	1.029.581.524
228	Nguyên giá		4.363.490.000	5.524.031.000
229	Giá trị hao mòn lũy kế		(4.312.086.276)	(4.494.449.476)
260	V. Tài sản dài hạn khác		2.045.510.985	2.418.144.759
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	12	592.611.955	1.071.614.687
263	3. Tiền nộp Quỹ hỗ trợ thanh toán		1.065.986.830	959.617.872
268	4. Tài sản dài hạn khác		386.912.200	386.912.200
270	TỔNG CỘNG TÀI SẢN		103.804.566.667	155.780.769.338

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014

Mã số	Nguồn vốn	Thuyết minh	Đơn vị tính: VND	
			Số cuối năm	Số đầu năm
300	A. NỢ PHẢI TRẢ		5.128.888.811	60.059.743.227
310	I. Nợ ngắn hạn		5.128.888.811	60.059.743.227
312	2. Phải trả cho người bán		-	193.874.507
313	3. Người mua trả tiền trước		107.500.000	107.500.000
314	4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	13	119.613.489	473.943.454
315	5. Phải trả người lao động		18.528.757	91.421.253
316	6. Chi phí phải trả	14	123.271.323	134.682.281
319	9. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	15	1.677.134.581	56.228.993.063
320	10. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	16	3.366.230.263	3.142.461.876
321	11. Phải trả hộ cổ tức, gốc và lãi trái phiếu		16.893.280	773.360
322	12. Phải trả tổ chức phát hành chứng khoán		5.830.000	-
323	13. Quỹ khen thưởng, phúc lợi		(306.112.882)	(313.906.567)
400	B. NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		98.675.677.856	95.721.026.111
410	I. Vốn chủ sở hữu	17	98.675.677.856	95.721.026.111
411	1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu		150.000.000.000	150.000.000.000
418	8. Quỹ dự phòng tài chính		165.792.343	165.792.343
419	9. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.050.433.903	1.050.433.903
420	10. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		(52.540.548.390)	(55.495.200.135)
440	TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		103.804.566.667	155.780.769.338

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN
TẠI NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2014**

Đơn vị tính: VND

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
5	Ngoại tệ các loại	005		45
	- USD			45
6.1	Chứng khoán giao dịch	007	69.096.840.000	78.911.610.000
	- Chứng khoán giao dịch của thành viên lưu ký	008	11.316.900.000	12.642.530.000
	- Chứng khoán giao dịch của khách hàng trong nước	009	57.779.940.000	66.269.080.000
6.5	Chứng khoán chờ thanh toán	027	135.500.000	25.532.100.000
	- Chứng khoán chờ thanh toán của khách hàng trong nước	029	135.500.000	25.532.100.000
6.7	Chứng khoán chờ giao dịch	037	39.160.000	530.780.000
	- Chứng khoán chờ giao dịch của thành viên lưu ký	038	60.000	
	- Chứng khoán chờ giao dịch của khách hàng trong nước	039	39.100.000	530.780.000
9	Chứng khoán chưa lưu ký của công ty chứng khoán	083	8.995.700.000	8.995.700.000

Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Trần Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Lê Bích Thực

Chủ tịch

Hội đồng Quản trị



Nguyễn Quang Anh

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH
 Năm 2014

Đơn vị tính: VND

Mã số	Chỉ tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
01	1. Doanh thu hoạt động kinh doanh chứng khoán	18	19.455.456.796	36.755.091.915
	<i>Trong đó:</i>			
	- Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán		1.689.862.454	1.885.270.271
	- Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn		7.375.315.959	1.013.090.317
	- Doanh thu hoạt động tư vấn		4.250.000.000	14.850.000.000
	- Doanh thu lưu ký chứng khoán			20.520.000
	- Doanh thu khác		6.140.278.383	18.986.211.327
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		-	-
10	3. Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh chứng khoán		19.455.456.796	36.755.091.915
11	4. Chi phí hoạt động kinh doanh	19	12.012.849.351	22.454.921.026
20	5. Lợi nhuận gộp của hoạt động kinh doanh		7.442.607.445	14.300.170.889
25	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	20	4.430.501.527	7.746.564.686
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		3.012.105.918	6.553.606.203
31	11. Thu nhập khác			65.046.260
32	12. Chi phí khác	21	57.454.173	725.608.497
40	13. Lợi nhuận khác		(57.454.173)	(660.562.237)
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		2.954.651.745	5.893.043.966
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành		-	-
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại		-	-
60	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51-52)		2.954.651.745	5.893.043.966
70	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	22	197	393

Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Trần Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Lê Bích Thục

Chủ tịch
 Hội đồng Quản trị



CÔNG TY
 CỔ PHẦN
 CHỨNG KHOÁN
 EUROCAPITAL
 HAI BÀ TRƯNG - TP. HÀ NỘI

Nguyễn Quang Anh

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
 (Theo phương pháp gián tiếp)
 Năm 2014

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Năm nay	Năm trước
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động sản xuất kinh doanh				
01	1. Lợi nhuận trước thuế		2.954.651.745	5.893.043.966
2. Điều chỉnh cho các khoản				
02	Khấu hao tài sản cố định		1.368.878.471	2.094.017.137
03	Các khoản dự phòng		1.587.639.769	(4.020.254.227)
05	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(6.162.597.492)	(19.872.287.817)
06	Chi phí lãi vay		251.930.833	6.509.513.528
08	3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động		503.326	(9.395.967.413)
09	Tăng, giảm các khoản phải thu		40.841.443.553	261.277.106.331
10	Tăng, giảm hàng tồn kho		(5.474.202.622)	(29.370.833.113)
11	Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải		(54.938.648.101)	(286.479.586.279)
12	Tăng, giảm chi phí trả trước		456.950.617	(612.258.908)
13	Tiền lãi vay đã trả		(251.930.833)	(6.509.513.528)
15	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh		7.793.685	335.391.592
16	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh		(106.368.958)	(383.392.463)
20	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		(19.464.459.333)	(71.139.053.781)
II. Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư				
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và TS dài hạn khác			(22.598.000)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	58.435.219
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận		6.173.689.156	19.981.682.371
30	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư		6.173.689.156	20.017.519.590
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
33	3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được		73.000.000.000	85.250.000.000
34	4. Tiền chi trả nợ gốc vay		(73.000.000.000)	(85.250.000.000)
40	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài		-	-
50	Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ		(13.290.770.177)	(51.121.534.191)
60	Tiền và tương đương tiền đầu kỳ		36.618.706.950	87.740.241.141
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái			
70	Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	03	23.327.936.773	36.618.706.950

Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu

Trần Thị Thu Trang

Kế toán trưởng

Lê Bích Thực



Nguyễn Quang Anh

BAO CÁO TÌNH HÌNH BIẾN ĐỘNG VỐN CHỦ SỞ HỮU

Cho năm 2014

Đơn vị tính: VND

Chỉ tiêu	Thuyết minh	Số dư đầu kỳ		Số tăng/(giảm)				Số dư cuối năm	
		01/01/2013	01/01/2014	Kỳ trước		Kỳ này		31/12/2013	31/12/2014
				Tăng	Giảm	Tăng	Giảm		
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	17	150.000.000.000	150.000.000.000	-	-	-	-	150.000.000.000	150.000.000.000
2. Quỹ dự phòng tài chính		165.792.343	165.792.343	-	-	-	-	165.792.343	165.792.343
3. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu		1.050.433.903	1.050.433.903	-	-	-	-	1.050.433.903	1.050.433.903
4. Lợi nhuận chưa phân phối		(61.388.244.101)	(55.495.200.135)	5.893.043.966	-	2.954.651.745	-	(55.495.200.135)	(52.540.548.390)
Cộng		89.827.982.145	95.721.026.111	5.893.043.966	0	2.954.651.745	0	95.721.026.111	98.675.677.856

Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2015

Người lập biểu



Trần Thị Thu Trang

Kế toán trưởng



Lê Bích Thực

Chủ tịch
 Hội đồng Quản trị



BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH*Năm 2014***THÔNG TIN CHUNG****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital là Công ty Cổ phần được thành lập theo Giấy phép thành lập và hoạt động số 80/UBCK - GP ngày 25/01/2008 do Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp, điều chỉnh theo Giấy phép điều chỉnh lần 3 số 19/GPĐC - UBCK ngày 15/05/2013 với nội dung thay đổi trụ sở kinh doanh và Giấy phép điều chỉnh lần 4 số 34/GPĐC - UBCK ngày 07/08/2013 với nội dung thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Địa chỉ trụ sở chính: Phòng 202, Tầng 2, Số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Vốn điều lệ: 150.000.000.000 đồng

Vốn pháp định: 135.000.000.000 đồng.

1.2. Lĩnh vực kinh doanh: Chứng khoán**1.3. Ngành nghề kinh doanh**

- Môi giới chứng khoán;
- Tự doanh chứng khoán;
- Tư vấn đầu tư chứng khoán;

Số lượng nhân viên của đơn vị tại ngày 31/12/2014 là: 18 người (tại ngày 31/12/2013 là 14 người).

2. CHẾ ĐỘ VÀ CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG TẠI CÔNG TY**2.1. Kỳ kế toán, đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01/01 và kết thúc vào ngày 31/12 hàng năm.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là đồng Việt Nam (VND).

2.2. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng*Chế độ kế toán áp dụng*

Công ty áp dụng chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20/03/2006; Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với các Công ty chứng khoán của Bộ Tài chính; Thông tư 162/2010/TT-BTC ngày 20/10/2010 hướng dẫn sửa đổi, bổ sung Thông tư 95/2008/TT-BTC ngày 24/10/2008 về hướng dẫn chế độ kế toán áp dụng đối với Công ty Chứng khoán và các văn bản liên quan khác.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Công ty đã áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và các văn bản hướng dẫn Chuẩn mực do Nhà nước đã ban hành. Các báo cáo tài chính được lập và trình bày theo đúng mọi quy định của từng chuẩn mực, thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và Chế độ kế toán hiện hành đang áp dụng.

Hình thức kế toán áp dụng

Công ty áp dụng hình thức kế toán Nhật ký chứng từ.

2.3. Các thay đổi trong chính sách kế toán và thuyết minh

Các chính sách kế toán của Công ty sử dụng để lập Báo cáo tài chính được áp dụng nhất quán với các chính sách đã được sử dụng để lập báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013, ngoại trừ các thay đổi về chính sách kế toán liên quan đến nghiệp vụ sau:

Ngày 06 tháng 10 năm 2014, Bộ Tài chính ban hành Thông tư số 146/2014/TT-BTC hướng dẫn chế độ tài chính đối với Công ty chứng khoán, công ty quản lý quỹ (Thông tư 146). Thông tư này thay thế Thông tư số 11/2000/TT-BTC ngày 01 tháng 02 năm 2000 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý tài chính đối với công ty chứng khoán cổ phần và trách nhiệm hữu hạn. Thông tư 146 có hiệu lực từ ngày 21 tháng 11 năm 2014 và được áp dụng kể từ năm tài chính 2014.

Thông tư 146 bổ sung quy định về việc xác định giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng giảm giá chứng khoán. Cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội và Sở Giao dịch Chứng khoán Hồ Chí Minh và chứng khoán đăng ký giao dịch tại Upcom, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng kí giao dịch, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của ba (03) công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng.

Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên, Công ty không thực hiện trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy hoặc bị đình chỉ giao dịch hoặc bị ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi, giá chứng khoán thực tế là giá trị sổ sách tại ngày lập bảng cân đối kế toán gần nhất.

2.4. Công cụ tài chính**Tài sản tài chính**

Theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính, tài sản tài chính được phân loại một cách phù hợp, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, tài sản tài chính được

ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản cho vay và phải thu, tài sản tài chính sẵn sàng để bán. Công ty quyết định việc phân loại các tài sản tài chính này tại thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, tài sản tài chính được xác định theo nguyên giá cộng với chi phí giao dịch trực tiếp liên quan.

Các tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tiền gửi ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác.

Nợ phải trả tài chính

Nợ phải trả tài chính theo phạm vi của Thông tư số 210/2009/TT-BTC, cho mục đích thuyết minh trong các báo cáo tài chính, được phân loại một cách phù hợp thành các nợ phải trả tài chính được ghi nhận thông qua báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản nợ phải trả tài chính được xác định theo giá trị phân bổ. Công ty xác định việc phân loại các nợ phải trả tài chính thời điểm ghi nhận lần đầu.

Tất cả nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo nguyên giá cộng với các chi phí giao dịch trực tiếp có liên quan.

Nợ phải trả tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, nợ và các khoản vay.

Giá trị sau ghi nhận lần đầu

Thông tư số 210/2009/TT-BTC hiện không yêu cầu xác định lại giá trị của các công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Bù trừ các công cụ tài chính

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được bù trừ và giá trị thuần sẽ được trình bày trên bảng cân đối kế toán nếu và chỉ nếu Công ty có quyền hợp pháp thực hiện việc bù trừ các giá trị đã được ghi nhận này và có ý định bù trừ trên cơ sở thuần, hoặc thu được các tài sản và thanh toán nợ phải trả đồng thời.

2.5. Tiền và tương đương tiền

Tiền mặt là khoản tiền tồn tại quỹ của Công ty tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Tiền gửi ngân hàng là các khoản tiền gửi tại các ngân hàng được phép hoạt động hợp pháp tại Việt Nam tại ngày kết thúc kỳ báo cáo.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn không quá 3 tháng có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành tiền và không có nhiều rủi ro trong chuyển đổi thành tiền kể từ ngày mua khoản đầu tư đó tại thời điểm báo cáo.

2.6. Các khoản phải thu

Các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác được phân ánh theo nguyên giá trừ đi dự phòng phải thu khó đòi.

Các khoản phải thu khách hàng, khoản trả trước cho người bán, phải thu nội bộ và các khoản phải thu khác, nếu:

- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán không quá một năm (hoặc một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản ngắn hạn.
- Có thời hạn thu hồi hoặc thanh toán trên một năm (hoặc trên một chu kỳ sản xuất kinh doanh) được phân loại là Tài sản dài hạn.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi thể hiện phần giá trị dự kiến bị tổn thất của các khoản nợ phải thu có khả năng không được khách hàng thanh toán đối với các khoản phải thu tại thời điểm lập Báo cáo tài chính.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi cho các khoản nợ quá hạn được trích lập theo quy định tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 7/12/2009 của Bộ tài chính về việc Hướng dẫn trích lập và sử dụng các khoản dự phòng giảm giá hàng tồn kho, tổn thất các khoản đầu tư tài chính, nợ khó đòi và bảo hành sản phẩm, hàng hoá, công trình xây lắp tại doanh nghiệp.

2.7. Nguyên tắc ghi nhận và phương pháp khấu hao tài sản cố định

Nguyên tắc ghi nhận TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được phân ánh theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Nguyên giá TSCĐ hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ chi phí liên quan khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Phương pháp khấu hao TSCĐ hữu hình, TSCĐ vô hình:

Khấu hao được trích theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng ước tính của tài sản do Công ty tự xác định và phù hợp với quy định tại Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25/04/2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao tài sản cố định. Cụ thể:

<u>Tài sản</u>	<u>Số năm khấu hao</u>
Thiết bị, dụng cụ quản lý	Từ 3 – 8 năm
Tài sản cố định khác	5 năm
Phần mềm máy tính	Từ 3 – 8 năm

2.8. Nguyên tắc ghi nhận các khoản đầu tư tài chính

Ghi nhận ban đầu các khoản đầu tư

Các khoản đầu tư bao gồm quyền sở hữu các loại cổ phần, chứng khoán, các khoản đầu tư vào các công ty con, công ty liên kết, công ty khác, trái phiếu và các khoản cho vay. Giá trị ban đầu của các khoản đầu tư này được xác định theo giá trị đầu tư thực tế. Việc phân loại các khoản đầu tư này thành ngắn hạn (đến 1 năm) hay dài hạn (trên 1 năm) phụ thuộc vào thời gian thu hồi dự kiến của Công ty hoặc theo quy định của pháp luật cũng như các thỏa thuận ràng buộc giữa Công ty và bên nhận đầu tư.

Hạch toán các khoản đầu tư sau khi ghi nhận ban đầu

Các khoản cổ tức nhận được từ các khoản đầu tư vào cổ phần, chứng khoán, công ty con, công ty liên kết, công tác khác và lãi nhận được từ trái phiếu, các khoản cho vay sau ngày thực hiện các khoản đầu tư được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ, ngoại trừ các khoản chia cổ tức của giai đoạn trước khi đầu tư sẽ được hạch toán giảm giá trị ban đầu các khoản đầu tư. Ngoài ra, từ năm 2011 các khoản cổ tức nhận được bằng cổ phiếu chỉ được ghi nhận tăng số lượng cổ phần mà không hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí tài chính trong kỳ.

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư

Dự phòng giảm giá của các khoản đầu tư được trích lập nhằm phản ánh chênh lệch giảm giữa giá trị đầu tư theo sổ sách với giá trị thị trường tại thời điểm lập báo cáo tài chính. Việc trích lập dự phòng được thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành cho từng khoản đầu tư thuộc sở hữu của Công ty. Cụ thể như sau:

- Đối với chứng khoán niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán, giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đăng ký giao dịch (cổ phiếu đăng ký giao dịch tại UPCOM), giá chứng khoán thực tế trên thị trường là giá đóng cửa tại ngày gần nhất có giao dịch tính đến ngày trích lập dự phòng.

- Đối với chứng khoán chưa niêm yết và chưa đăng ký giao dịch: Giá chứng khoán thực tế trên thị trường làm cơ sở để trích lập dự phòng là giá trung bình của các mức giá giao dịch thực tế theo báo giá của 3 công ty chứng khoán có giao dịch tại thời điểm gần nhất với thời điểm trích lập dự phòng nhưng không quá một tháng tính đến ngày trích lập dự phòng. Trường hợp chứng khoán không có giao dịch thực tế phát sinh trong khoảng thời gian trên thì không thực hiện trích lập dự phòng.
- Đối với các chứng khoán đầu tư dài hạn nếu tổ chức kinh tế mà Công ty đang đầu tư bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) thì mức trích lập dự phòng là chênh lệch giữa vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ vốn đầu tư của Công ty so với tổng vốn đầu tư thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

2.9. Nguyên tắc ghi nhận chi phí trả trước ngắn hạn, dài hạn

Các chi phí trả trước chỉ liên quan đến chi phí sản xuất kinh doanh năm tài chính hiện tại được ghi nhận là chi phí trả trước ngắn hạn.

Các chi phí sau đây đã phát sinh trong năm tài chính nhưng được hạch toán vào chi phí trả trước dài hạn để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh trong nhiều năm:

- Công cụ, dụng cụ xuất dùng có giá trị lớn;
- Chi phí trả trước dài hạn khác.

Việc tính và phân bổ chi phí trả trước dài hạn vào chi phí sản xuất kinh doanh từng kỳ hạch toán được căn cứ vào tính chất, mức độ từng loại chi phí để chọn phương pháp và tiêu thức phân bổ hợp lý. Chi phí trả trước được phân bổ dần vào chi phí sản xuất kinh doanh theo phương pháp đường thẳng.

2.10. Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa phát sinh nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ để đảm bảo không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh của kỳ kinh doanh mà khoản chi phí thực tế phát sinh, trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí. Các khoản chi phí đã thực tế phát sinh, có đầy đủ cơ sở xác định tin cậy về mặt giá trị nhưng chưa thực sự chắc chắn do chưa có xác nhận công nợ từ đối tác. Khi các chi phí đó phát sinh, nếu có chênh lệch với số đã trích, kế toán tiến hành ghi bổ sung hoặc ghi giảm chi phí tương ứng với phần chênh lệch.

2.11. Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu

Nguyên tắc ghi nhận vốn đầu tư của chủ sở hữu, thặng dư vốn vô phần, vốn khác của chủ sở hữu:

Vốn đầu tư của chủ sở hữu: ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được chia cho các cổ đông sau khi được Đại hội cổ đông/Hội đồng quản trị phê duyệt và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam. Cổ tức được công bố từ phần lợi nhuận chưa phân phối dựa trên tỷ lệ sở hữu hợp pháp của từng cổ đông.

2.12. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Các điều kiện ghi nhận cụ thể sau đây cũng phải được đáp ứng trước khi ghi nhận doanh thu.

Doanh thu kinh doanh chứng khoán

Được xác định bằng số lượng chứng khoán đã bán, số lượng dịch vụ đã cung cấp cho khách hàng (nhà đầu tư và các tổ chức khác) và đã được khách hàng thanh toán ngay bằng tiền hay chấp nhận thanh toán hoặc cam kết sẽ thanh toán (ghi trên hợp đồng kinh tế hoặc các chứng từ liên quan khác), hoặc được khấu trừ vào tiền thu bán chứng khoán của khách hàng.

Đối với các hoạt động kinh doanh chứng khoán tự doanh, môi giới, lưu ký, chuyển khoản chứng khoán cho nhà đầu tư, doanh thu của các loại hoạt động này chỉ coi là hoàn thành và ghi nhận doanh thu khi nhận được kết quả thực hiện giao dịch và kết quả thanh toán bù trừ chứng khoán của Trung tâm LKCK.

Doanh thu hoạt động tài chính

Doanh thu phát sinh từ tiền lãi, tiền bản quyền, cổ tức, lợi nhuận được chia và các khoản doanh thu hoạt động tài chính khác được ghi nhận khi thoả mãn đồng thời hai điều kiện sau:

- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch đó;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc được quyền nhận lợi nhuận từ việc góp vốn.

2.13. Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập chịu thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành. Thuế suất thuế TNDN năm 2014 của đơn vị là 22%.

03. Tiền và các khoản tương đương tiền	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền mặt	16.235.700	17.408.500
Tiền gửi ngân hàng	18.323.907.514	27.281.717.723
Tiền gửi của nhà đầu tư về giao dịch chứng khoán	3.366.838.959	3.143.960.727
Tiền gửi thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.620.954.600	6.175.620.000
Cộng	23.327.936.773	36.618.706.950
04. Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ	Giá trị khối lượng giao dịch thực hiện trong kỳ
Của công ty chứng khoán	3.156.998	135.841.692.200
- Cổ phiếu	3.156.998	135.841.692.200
Của nhà đầu tư	64.114.685	705.508.859.600
- Cổ phiếu	64.114.685	705.508.859.600
Cộng	67.271.683	841.350.551.800

05. Tình hình đầu tư tài chính

Chi tiêu	Số lượng		Giá trị theo số sách kế toán		So sánh với giá thị trường			Đơn vị tính: VND	
								Tổng giá trị theo giá thị trường	
	01/01/14	31/12/14	01/01/14	31/12/14	Tăng	01/01/14	31/12/14	01/01/14	31/12/14
I. Chứng khoán thương mại	2.163.823	2.031.260	41.550.559.469	47.024.762.091	1.083.780.700	8.866.398	(940.856.469)	41.693.483.700	44.505.132.251
Cổ phiếu niêm yết	1.264.213	1.131.264	27.080.220.669	32.548.952.440	1.083.780.700	8.767.398	(940.087.669)	27.223.913.700	30.031.583.600
ACB	47	47	1.718.769	1.718.769	-	-	(985.569)	733.200	723.800
PVG	10	10	88.673	88.673	43.327	5.327	-	132.000	94.000
BHS	8	8	179.755	179.755	-	-	(80.555)	99.200	91.200
DNY	80	107	1.592.000	1.592.000	-	-	(1.056.000)	536.000	567.100
NHC	54	108	1.836.000	1.836.000	-	864.000	(707.400)	1.128.600	2.700.000
PET	8	8	155.879	155.879	10.521	9.721	-	166.400	165.600
PSC	120	120	3.168.000	3.168.000	-	-	(2.076.000)	1.092.000	1.488.000
SCJ	65	130	2.647.100	2.647.100	-	-	(2.107.600)	539.500	1.300.000
VCS	1.080.098		13.501.716.800		1.079.606.200		-	14.581.323.000	
VIC	180.005	7	13.500.268.570	374.992	-	-	(899.918.570)	12.600.350.000	333.900
VNM		180.000		18.360.000.000	-	-	-	(1.170.000.000)	17.190.000.000
VSH		947.370		14.115.813.000	-	-	-	(1.326.318.000)	12.789.495.000
Cổ phiếu khác	3.718	3.349	66.849.123	61.378.272	4.120.652	7.888.350	(33.155.975)	37.813.800	44.625.000
Cổ phiếu chưa niêm yết, hủy niêm yết	899.610	899.996	14.470.338.800	14.475.809.651	99.000	99.000	(768.100)	14.469.570.000	14.473.548.651
CTIN2	24.570	24.570	469.570.000	469.570.000	-	-	-	469.570.000	469.570.000
TECHCOMBANK	875.000	875.000	14.000.000.000	14.000.000.000	-	-	-	14.000.000.000	14.000.000.000
Cổ phiếu khác	40	426	768.800	6.239.651	-	99.000	(768.800)	-	3.978.651
Cộng	2.163.823	2.031.260	41.550.559.469	47.024.762.091	1.083.780.700	8.866.398	(940.856.469)	41.693.483.700	44.505.132.251



06. Các khoản phải thu ngắn hạn

Chi tiêu	01/01/14			31/12/14			Số dự phòng đã trích lập
	Tổng số	Số quá hạn	Số khó đòi	Tăng	Giảm	Tổng số	
	Số phát sinh						
1. Trả trước cho người bán	4.764.000	-	-	-	4.264.000	500.000	
2. Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	73.402.936.847	-	-	211.295.138.468	275.456.778.561	9.241.296.754	
Phải thu ứng trước tiền bán chứng khoán cho khách hàng	869.950.256	-	-	102.978.778.767	103.848.729.023		
Đặt cọc mua chứng khoán	72.495.187.250	-	-	74.000.000.000	146.495.187.250		
Phải thu khác (ủy thác đầu tư)	-	-	-	11.000.000.000	2.000.000.000	9.000.000.000	
Phải thu cho vay giao dịch ký quỹ	37.799.341	-	-	23.316.359.701	23.112.862.288	241.296.754	
3. Các khoản phải thu khác	110.079.545	-	85.500.000	26.255.076.396	2.626.099.503	23.751.437.167	85.500.000
Ứng trước tiền mua chứng khoán FPT	-	-	-	2.755.076.396	-	251.437.167	
Khoản phải thu khác	110.079.545	-	-	23.500.000.000	2.626.099.503	23.500.000.000	
Cộng	73.517.780.392	-	85.500.000	237.550.214.864	278.087.142.064	32.993.233.921	85.500.000

	Số cuối năm	Số đầu năm	
	VND	VND	
06.1 Trả trước cho người bán			
Các khoản khác	500.000	4.764.000	
	500.000	4.764.000	
06.2 Các khoản phải thu khác			
Ứng trước tiền mua cổ phiếu FPT	23.500.000.000		
Dự thu tiền lãi và phí	91.237.167	24.579.545	
Phải thu khác	160.200.000	85.500.000	
	23.751.437.167	110.079.545	
07. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi			
Số dư đầu năm	(85.500.000)	(85.500.000)	
Tăng dự phòng trong năm			
Hoàn nhập dự phòng trong năm			
	(85.500.000)	(85.500.000)	
08. Chi phí trả trước ngắn hạn			
Phí bảo trì phần mềm	493.706.726	456.408.000	
Phí dịch vụ thuê ngoài	24.779.520	29.568.000	
Chi phí khác		10.458.131	
	518.486.246	496.434.131	
09. Thuế GTGT được khấu trừ			
Thuế GTGT còn được khấu trừ	18.953.829	335.850.416	
	18.953.829	335.850.416	
10. Tài sản cố định hữu hình			
Chi tiêu		Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
	VND	VND	VND
Nguyên giá			
Số dư đầu năm			3.402.063.686
Số tăng trong năm			
Số giảm trong năm		89.565.801	89.565.801
- Thanh lý, nhượng bán		89.565.801	89.565.801
Số dư cuối năm			3.312.497.885
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm			2.561.996.015
Số tăng trong năm		390.700.671	390.700.671
- Khấu hao trong năm		390.700.671	390.700.671
Số giảm trong năm		78.474.137	78.474.137
- Thanh lý, nhượng bán		78.474.137	78.474.137
Số dư cuối năm			2.874.222.549
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm			840.067.671
Tại ngày cuối năm			438.275.336

- Giá trị còn lại cuối năm của TSCĐ hữu hình đã dùng thế chấp, cầm cố đảm bảo các khoản vay: 0 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng: 700.215.800 đồng.
- Nguyên giá TSCĐ cuối năm chờ thanh lý: 0 đồng.
- Các cam kết về việc mua, bán TSCĐ hữu hình có giá trị lớn trong tương lai: 0 đồng.
- Các thay đổi khác về TSCĐ hữu hình: 0 đồng.

11. Tài sản cố định vô hình

	Phần mềm vi tính VND	Cộng VND
Nguyên giá		
Số dư đầu năm	5.524.031.000	5.524.031.000
Số tăng trong năm		
Số giảm trong năm	1.160.541.000	1.160.541.000
- Thanh lý, nhượng bán	1.160.541.000	1.160.541.000
- Giảm khác		
Số dư cuối năm	4.363.490.000	4.363.490.000
Giá trị hao mòn lũy kế		
Số dư đầu năm	4.494.449.476	4.494.449.476
Số tăng trong năm	978.177.800	978.177.800
- Khấu hao trong năm	978.177.800	978.177.800
Số giảm trong năm	1.160.541.000	1.160.541.000
- Thanh lý, nhượng bán	1.160.541.000	1.160.541.000
Số dư cuối năm	4.312.086.276	4.312.086.276
Giá trị còn lại		
Tại ngày đầu năm	1.029.581.524	1.029.581.524
Tại ngày cuối năm	51.403.724	51.403.724

12. Chi phí trả trước dài hạn

	Năm nay VND	Năm trước VND
Công cụ, dụng cụ	63.927.968	186.736.066
Chi phí cải tạo văn phòng	521.921.212	869.868.681
Chi phí khác	6.762.775	15.009.940
Số dư cuối năm	592.611.955	1.071.614.687

13.1 Thuế và các khoản phải nộp nhà nước

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Thuế giá trị gia tăng		254.010.157
Thuế thu nhập cá nhân	119.613.489	219.933.297
	119.613.489	473.943.454

13.2 Thuế Thu nhập doanh nghiệp

	Năm 2014 VND	Năm 2013 VND
Lợi nhuận thuần trước thuế	2.954.651.745	5.893.043.966
Các khoản điều chỉnh tăng/(giảm) lợi nhuận		
Các khoản điều chỉnh tăng		
Các khoản điều chỉnh giảm		

Lợi nhuận điều chỉnh trước thuế	2.954.651.745	5.893.043.966
Lỗ năm trước chuyển sang	(2.954.651.745)	(5.893.043.966)
Thu nhập chịu thuế ước tính năm hiện hành		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả ước tính		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả tại 01/01/2014		
Điều chỉnh thuế TNDN trích thiếu/(thừa) năm trước		
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải trả tại 31/12/2014		
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả trong kỳ		
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã trả tại 31/12/2014		-

Quyết toán thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định của cơ quan thuế.

14. Chi phí phải trả	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Phí kiểm toán	30.000.000	22.500.000
Chi phí phải trả khác	93.271.323	112.182.281
	123.271.323	134.682.281

15. Các khoản phải trả phải nộp ngắn hạn khác	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Kinh phí công đoàn	14.236.490	11.429.740
Thanh toán bù trừ giao dịch chứng khoán	1.620.954.600	6.175.620.000
Phải trả tiền mua trái phiếu		50.000.000.000
Phải trả, phải nộp khác	41.943.491	41.943.323
	1.677.134.581	56.228.993.063

16. Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Tiền gửi của nhà đầu tư	3.366.230.263	3.142.461.876
	3.366.230.263	3.142.461.876

17. Vốn chủ sở hữu	Năm 2014	Năm 2013
a. Báo cáo tình hình biến động Vốn chủ sở hữu (Chi tiết trang 11)	VND	VND
b. Tình hình biến động Vốn chủ sở hữu trong năm như sau:		
Vốn cổ phần đầu năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Vốn cổ phần tăng trong năm		
Vốn cổ phần giảm trong năm		
Vốn cổ phần cuối năm	150.000.000.000	150.000.000.000
Cổ tức lợi nhuận đã tạm chia		

c. Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	15.000.000	15.000.000
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	-	-
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	-	-
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành bình quân trong kỳ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành cuối kỳ	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	15.000.000	15.000.000
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành (VND)	10.000	10.000

18. Tổng doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND*
Doanh thu hoạt động môi giới chứng khoán	1.689.862.454	1.885.270.271
Doanh thu hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	7.375.315.959	1.013.090.317
Doanh thu hoạt động tư vấn	4.250.000.000	14.850.000.000
Doanh thu lưu ký chứng khoán		20.520.000
Doanh thu khác	6.140.278.383	18.986.211.327
Trong đó:		
- <i>Lãi tiền gửi, lãi tiền cho vay</i>	3.022.218.075	17.420.972.718
- <i>Lãi thu từ cho vay giao dịch ký quỹ</i>	115.610.651	84.598.862
- <i>Phí ứng trước tiền bán chứng khoán</i>	145.395.589	930.968.750
- <i>Doanh thu ủy thác đầu tư</i>	590.500.000	529.324.451
- <i>Khác</i>	2.266.554.068	32.727.275
Cộng	19.455.456.796	36.755.091.915

19. Chi phí hoạt động kinh doanh chứng khoán

	<u>Năm nay</u>	<u>Năm trước</u>
	VND	VND
Chi phí hoạt động môi giới chứng khoán	437.247.167	952.579.329
Chi phí hoạt động đầu tư chứng khoán, góp vốn	6.234.750.000	2.711.940.341
Chi phí hoạt động tư vấn	603.350.000	14.014.050.000
Chi phí lưu ký chứng khoán	93.850.594	141.770.035
Chi phí dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	1.587.639.769	(4.020.254.227)
Chi phí khác	3.056.011.821	8.654.835.548
- <i>Lãi nhận đặt cọc môi giới</i>	100.000.000	6.292.333.334
- <i>Lãi tiền gửi của nhà đầu tư</i>	41.147.699	33.453.986
- <i>Lãi vay trong kỳ</i>	251.930.833	183.726.208
- <i>Ủy thác đầu tư</i>	52.488.889	28.622.222
- <i>Khác</i>	2.610.444.400	2.116.699.798
	12.012.849.351	22.454.921.026

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

20. Chi phí quản lý doanh nghiệp	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân viên quản lý	858.702.597	2.160.811.838
Chi phí vật liệu	7.747.156	20.074.798
Chi phí dụng cụ đồ dùng văn phòng	144.168.386	95.628.444
Chi phí khấu hao TSCĐ	395.208.204	604.326.721
Thuế, phí, lệ phí	173.207.355	256.520.984
Chi phí dịch vụ mua ngoài	2.694.284.144	4.325.891.090
Chi phí khác	157.183.685	283.310.811
Cộng	4.430.501.527	7.746.564.686

21. Chi phí khác	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Bồi thường tiền dừng thuế mặt bằng trước hạn		430.507.469
Giá trị còn lại tài sản bán thanh lý	11.091.664	242.531.532
Khấu hao tài sản không dùng cho hoạt động sản xuất kinh doanh	46.303.083	
Chi phí khác	59.426	52.569.496
Cộng	57.454.173	725.608.497

22. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
a. Lợi nhuận sau thuế	2.954.651.745	5.893.043.966
b. Trừ lợi nhuận phân chia cho các đối tác hợp tác kinh doanh		
c. Lợi nhuận còn lại (c = a - b)	2.954.651.745	5.893.043.966
d. Cổ phiếu lưu hành bình quân trong năm	15.000.000	15.000.000
e. Lãi cơ bản trên cổ phiếu (e = c / d)	197	393

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN EUROCAPITAL

Phòng 202, Tầng 2, số 362 Phố Huế, Hai Bà Trưng, Hà Nội

Báo cáo tài chính

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2014

23. Báo cáo bộ phận**Báo cáo bộ phận chính yếu - Theo lĩnh vực kinh doanh**

	Hoạt động môi giới chứng khoán	Hoạt động đầu tư tự doanh	Hoạt động tư vấn đầu tư chứng	Hoạt động lưu ký chứng khoán	Hoạt động khác	Cộng
	VND	VND	VND	VND	VND	VND
Doanh thu thuần về hoạt động kinh doanh	1.689.862.454	7.375.315.959	4.250.000.000	-	6.140.278.383	19.455.456.796
Chi phí bộ phận trực tiếp	(437.247.167)	(7.822.389.769)	(603.350.000)	(93.850.594)	(3.056.011.821)	(12.012.849.351)
Chi phí không phân bổ						(4.487.955.700)
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	1.252.615.287	(447.073.810)	3.646.650.000	(93.850.594)	3.084.266.562	2.954.651.745
Tài sản bộ phận trực tiếp	14.320.327.480	86.336.409.067				100.656.736.547
Tài sản không phân bổ						3.147.830.120
Tổng tài sản	14.320.327.480	86.336.409.067				103.804.566.667
Nợ phải trả bộ phận trực tiếp	3.426.350.296	107.500.000		5.000.000	-	3.538.850.296
Nợ phải trả không phân bổ						1.590.038.515
Tổng nợ phải trả	3.426.350.296	107.500.000		5.000.000		5.128.888.811

Báo cáo bộ phận thứ yếu - Theo khu vực địa lý: Trong năm 2014, Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty phát sinh tại trụ sở chính.

24. Những khoản nợ tiềm tàng

Không phát sinh bất kỳ khoản nợ tiềm tàng nào phát sinh từ những sự kiện đã xảy ra có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính mà Công ty không kiểm soát được hoặc chưa được ghi nhận.

25. Những sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm

Không phát sinh bất kỳ sự kiện nào có thể ảnh hưởng đến các thông tin đã được trình bày trong Báo cáo tài chính cũng như có hoặc có thể tác động đáng kể đến hoạt động của Công ty.

26. Mục đích và chính sách quản lý rủi ro tài chính

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital thực hiện theo Thông tư số 210/2009/TT-BTC hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực Báo cáo Tài chính Quốc tế về trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính.

Nợ phải trả tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital chủ yếu bao gồm các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác. Mục đích chính của những khoản nợ phải trả tài chính này là nhằm huy động nguồn tài chính phục vụ các hoạt động của Công ty. Công ty có các khoản phải thu khách hàng và các khoản phải thu khác, tiền mặt và tiền gửi ngắn hạn phát sinh trực tiếp từ hoạt động của Công ty. Công ty không nắm giữ hay phát hành công cụ tài chính phái sinh.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital có rủi ro thị trường, rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

Ban Giám đốc xem xét và thống nhất áp dụng các chính sách quản lý cho những rủi ro nói trên như sau:

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý của các luồng tiền trong tương lai của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường. Giá thị trường có bốn loại rủi ro: rủi ro lãi suất, rủi ro tiền tệ, rủi ro giá hàng hóa và rủi ro về giá khác. Công cụ tài chính bị ảnh hưởng bởi rủi ro thị trường bao gồm các khoản tiền, các khoản ký quỹ và các khoản vay.

Các phân tích độ nhạy như được trình bày dưới đây liên quan đến tình hình tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Các phân tích độ nhạy này đã được lập trên cơ sở giá trị các khoản nợ thuần, tỷ lệ giữa các khoản nợ có lãi suất cố định và các khoản nợ có lãi suất thả nổi và tỷ lệ tương quan giữa các công cụ tài chính có gốc ngoại tệ là không thay đổi.

Khi tính toán các phân tích độ nhạy, Ban Giám đốc giả định rằng:

+ Độ nhạy của bảng cân đối kế toán liên quan đến các công cụ nợ sẵn sàng để bán;

+ Độ nhạy của các khoản mục có liên quan trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh bị ảnh hưởng bởi các thay đổi trong giả định về rủi ro thị trường tương ứng dựa trên các tài sản và nợ phải trả tài chính mà Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital nắm giữ tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 và ngày 01 tháng 01 năm 2014.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong một công cụ tài chính hoặc hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Công ty. Công ty có các rủi ro tín dụng từ hoạt động tài chính (bao gồm tiền gửi ngân hàng và các công cụ tài chính khác), cụ thể như sau:

Tiền gửi ngân hàng

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital chủ yếu duy trì số dư tiền gửi tại các ngân hàng được nhiều người biết đến ở Việt Nam. Rủi ro tín dụng tối đa của Công ty đối với các khoản mục trong bảng cân đối kế toán tại mỗi kỳ lập báo cáo chính là giá trị ghi sổ như trình bày trong Thuyết minh số 44. Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital nhận thấy mức độ tập trung rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital gặp khó khăn khi thực hiện các nghĩa vụ tài chính do thiếu vốn. Rủi ro thanh khoản của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital giám sát rủi ro thanh khoản thông qua việc duy trì một lượng tiền mặt và các khoản tương đương tiền ở mức mà Ban Giám đốc cho là đủ để đáp ứng các hoạt động của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital và để giảm thiểu ảnh hưởng của những biến động về luồng tiền.

Bảng dưới đây tổng hợp thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital dựa trên các khoản thanh toán dự kiến theo hợp đồng trên cơ sở đã được chiết khấu:

	<u>Nợ dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2014			
Phải trả người bán		-	
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.366.230.263	-	3.366.230.263
Chi phí phải trả	123.271.323	-	123.271.323
Phải trả khác	1.677.134.581	-	1.677.134.581
Cộng	5.166.636.167	-	5.166.636.167
Tại 01/01/2014			
Phải trả người bán	193.874.507	-	193.874.507
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.142.461.876	-	3.142.461.876
Chi phí phải trả	134.682.281	-	134.682.281
Phải trả khác	56.228.993.063	-	56.228.993.063
Cộng	59.700.011.727	-	59.700.011.727

Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital cho rằng mức độ tập trung rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital có đủ khả năng tiếp cận các nguồn vốn và các khoản nợ đến hạn thanh toán trong vòng 12 tháng có thể được tái tục với các chủ nợ hiện tại.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty Cổ phần Chứng khoán EuroCapital khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

	<u>Nợ dưới 1 năm</u>	<u>Từ 1 đến 5 năm</u>	<u>Cộng</u>
	VND	VND	VND
Tại 31/12/2014			
Tiền, các khoản tương đương tiền	23.327.936.773	-	23.327.936.773
Đầu tư ngắn hạn	44.496.265.853	-	44.496.265.853
Phải thu khách hàng	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	9.241.296.754	-	9.241.296.754
Phải thu khác	23.665.937.167	-	23.665.937.167
Cộng	100.731.436.547	-	100.731.436.547

Tại 01/01/2014			
Tiền, các khoản tương đương tiền	36.618.706.950	-	36.618.706.950
Đầu tư ngắn hạn	40.609.703.000	-	40.609.703.000
Phải thu khách hàng	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	73.402.936.847	-	73.402.936.847
Phải thu khác	24.579.545	-	24.579.545
Cộng	150.655.926.342	-	150.655.926.342

Tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>		<u>Giá trị thuần</u>
	<u>Nguyên giá</u>	<u>Dự phòng</u>	
	VND	VND	VND
Tài sản tài chính			
Tại 31/12/2014			
Tiền, các khoản tương đương tiền	23.327.936.773	-	23.327.936.773
Đầu tư ngắn hạn	47.024.762.091	(2.528.496.238)	44.496.265.853
Phải thu khách hàng	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	9.241.296.754	-	9.241.296.754
Phải thu khác	23.751.437.167	(85.500.000)	23.665.937.167
Cộng	103.345.432.785	(2.613.996.238)	100.731.436.547

Tại 01/01/2014			
Tiền, các khoản tương đương tiền	36.618.706.950	-	36.618.706.950
Đầu tư ngắn hạn	41.550.559.469	(940.856.469)	40.609.703.000
Phải thu khách hàng	-	-	-
Phải thu hoạt động giao dịch chứng khoán	73.402.936.847	-	73.402.936.847
Phải thu khác	110.079.545	(85.500.000)	24.579.545
Cộng	151.682.282.811	(1.026.356.469)	150.655.926.342

Nợ phải trả tài chính

	<u>Giá trị ghi sổ</u>	
	<u>31/12/14</u>	<u>01/01/14</u>
	VND	VND
Phải trả người bán	-	193.874.507
Phải trả hoạt động giao dịch chứng khoán	3.366.230.263	3.142.461.876
Chi phí phải trả	123.271.323	134.682.281
Phải trả khác	1.677.134.581	56.228.993.063
Cộng	5.166.636.167	59.700.011.727

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 do Thông tư 210/2009/TT-BTC và các quy định hiện hành yêu cầu trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra các hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính.

27. Thông tin về hoạt động liên tục

Không có bất kỳ sự kiện nào gây ra sự nghi ngờ lớn về khả năng hoạt động liên tục và Công ty không có ý định cũng như buộc phải ngừng hoạt động, hoặc phải thu hẹp đáng kể qui mô hoạt động của mình.

28. Những sự kiện phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2014

Không có sự kiện trọng yếu nào xảy ra sau ngày kết thúc kỳ kế toán đòi hỏi phải được điều chỉnh hay công bố trên Báo cáo tài chính này.

29. Nghiệp vụ và số dư với các bên liên quan

Trong quá trình hoạt động kinh doanh Công ty phát sinh nghiệp vụ với các bên liên quan. Nghiệp vụ chủ yếu như sau:

Các khoản chi cho nhân sự chủ chốt

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban kiểm soát

Lương và thưởng

	Năm 2014	Năm 2013
	VND	VND
	847.025.000	838.207.175

30. Số liệu so sánh

Số liệu so sánh là số liệu trên Báo cáo tài chính cho năm kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 đã được Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Việt (Nay là Công ty TNHH Kiểm toán Nhân Tâm Việt) kiểm toán.

Người lập biểu



Trương Thị Minh Thúy

Kế toán trưởng



Lê Bích Thục

Lập, ngày 06 tháng 03 năm 2015

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Nguyễn Quang Anh